ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 201/QĐ-CVA

*Quận 1, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc Ban hành Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh Năm học 2023 – 2024

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN

*Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UB ngày 14 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc thành lập trường THCS Chu Văn An trực thuộc UBND Quận 1;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 06 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;*

*Căn cứ công văn số 4644/SGDĐT-GDTrH ngày 24 tháng 8 năm 2023 về hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học năm học 2023 – 2024;*

*Căn cứ công văn số 1164/GDĐT ngày 05 tháng 9 năm 2023 về hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học năm học 2023 – 2024;*

*Căn cứ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Hiệu trưởng,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh trường trung học cơ sở Chu Văn An năm học 2023 – 2024.

**Điều 2.** Giao cho bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch, theo dõi, đôn đốc tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh của giáo viên trong nhà trường.

**Điều 3.** Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường Trung học cơ sở Chu Văn An chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Phòng Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo)
- Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Thân Thị Tuyết Nhung**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# QUY CHẾ
## Kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2023 - 2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-CVA ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Chu Văn An)*

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.**

**1.** Quy chế này quy định về công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở (THCS) bao gồm: Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm; đánh giá, xếp loại học lực; sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại; trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.

**2.** Quy chế này áp dụng đối với học sinh của trường Trung học cơ sở Chu Văn An.

**Điều 2. Căn cứ ban hành quy chế**

**1.** Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông nhiều cấp học;

**2.** Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

**3.** Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

**4.** Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông;

**5.** Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

**6.** Công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017 – 2018;

**7.** Công văn số 4644/SGDĐT-GDTrH ngày 24 tháng 8 năm 2023 về hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học năm học 2023 – 2024;

**8.** Công văn số 1164/GDĐT ngày 05 tháng 9 năm 2023 về hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học năm học 2023 – 2024.

## Chương II
## ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HẠNH KIỂM ĐỐI VỚI HỌC SINH KHỐI 9

### Điều 3. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

**1. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm:**

a) Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

b) Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**2. Xếp loại hạnh kiểm:**

Hạnh kiểm được xếp thành 4 loại: Tốt (T), khá (K), trung bình (Tb), yếu (Y) sau mỗi học kỳ và cả năm học. Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kỳ II và sự tiến bộ của học sinh.

### Điều 4. Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm

**1. Loại tốt**

a) Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

b) Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ các em nhỏ tuổi; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, được các bạn tin yêu;

c) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;

d) Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên, trung thực trong cuộc sống, trong học tập;

đ) Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

e) Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

g) Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

**2. Loại khá**

Thực hiện được những quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

**3. Loại trung bình**

Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

**4. Loại yếu**

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

a) Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;

b) Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;

c) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi;

d) Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

**5. Quy trình xử lý học sinh vi phạm các nội qui nhà trường**

a) Đối với những lỗi học sinh vi phạm ngoài lớp học:

Hàng tuần, các thầy cô giám thị sẽ gửi các hồ sơ vi phạm của học sinh (nếu có) đến từng thầy cô giáo viên chủ nhiệm. Các thầy cô giáo viên chủ nhiệm ghi nhận và xử lí học sinh theo qui trình như sau:

Học sinh vi phạm 01 đến 03 lần: Nhắc nhở, hỗ trợ giúp đỡ trực tiếp để học sinh khắc phục khuyết điểm.

Học sinh vi phạm từ lần thứ 04 trở lên: khiển trách, thông báo với cha mẹ học sinh nhằm phối hợp giúp đỡ học sinh khắc phục khuyết điểm.

Sau khi khiển trách, học sinh tiếp tục vi phạm: Giáo viên chủ nhiệm lập hồ sơ đưa ra hội đồng kỷ luật của nhà trường. Tùy mức độ vi phạm, nhà trường sẽ có hình thức xử lý kỷ luật phù hợp: tạm dừng học ở trường có thời hạn và thực hiện các biện pháp giáo dục khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phòng giám thị có nhiệm vụ lưu giữ các biên bản xử lí học sinh, làm căn cứ đánh giá hạnh kiểm học sinh cuối học kỳ và cuối năm học.

b) Đối với những lỗi học sinh vi phạm trong lớp học, trong giờ học:

Hàng tuần, các thầy cô giáo viên chủ nhiệm sẽ tổng hợp các lỗi học sinh vi phạm trên lớp học, trong giờ học, do giáo viên ghi nhận trên sổ đầu bài hoặc do các bộ phận liên quan ghi nhận (cán sự lớp, giám thị trực hành lang...). Các thầy cô giáo viên chủ nhiệm ghi nhận và xử lí học sinh theo qui trình như mục 5.1 của quy chế này.

Giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ lưu giữ các biên bản xử lí học sinh (kể cả các biên bản do phòng giám thị lưu giữ) để làm căn cứ đánh giá hạnh kiểm học sinh cuối học kỳ và cuối năm học.

## Chương III
## ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC ĐỐI VỚI HỌC SINH KHỐI 9

### Điều 5. Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực

**1. Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực**

a) Mức độ hoàn thành chương trình các môn học và hoạt động giáo dục trong Kế hoạch giáo dục cấp THCS.

b) Kết quả đạt được của các bài kiểm tra.

**2.** Học lực được xếp thành 5 loại: Giỏi (G), khá (K), trung bình (Tb), yếu (Y), kém (Kém).

### Điều 6. Hình thức đánh giá và kết quả các môn học sau một học kỳ, cả năm học

**1. Hình thức đánh giá**

a) Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập (sau đây gọi là đánh giá bằng nhận xét) đối với các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục.

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

- Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

+ Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội

dung trong bài kiểm tra;

+ Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại:

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

**2. Kết quả môn học và kết quả các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học:**

a) Đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học **sau mỗi học kì, cả năm học**; tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kì, cả năm học.

b) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: Nhận xét môn học **sau mỗi học kỳ, cả năm học** theo hai loại: Đạt yêu cầu (Đ) và Chưa đạt yêu cầu (CĐ); nhận xét về năng khiếu (nếu có).

**Điều 7. Các loại kiểm tra, đánh giá; hệ số điểm kiểm tra, đánh giá**

**1. Các loại kiểm tra, đánh giá**

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 26/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiểm tra, đánh giá định kì:

Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học

sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

**2. Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì**

a) Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là $ĐĐG_{tx}$): tính hệ số 1;

b) Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là $ĐĐG_{gk}$): tính hệ số 2;

c) Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là $ĐĐG_{ck}$): tính hệ số 3.

**Điều 8. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm**

**1.** Trong mỗi học kì, số ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 $ĐĐG_{tx}$;

- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 $ĐĐG_{tx}$;

- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 $ĐĐG_{tx}$.

b) Kiểm tra, đánh giá định kì:

- Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) $ĐĐG_{gk}$ và 01 (một) $ĐĐG_{ck}$;

+ **$ĐĐG_{gk}$:** Thực hiện trong khoảng từ tuần 08 đến tuần 09 (HK1) và thực hiện trong khoảng từ tuần 26 đến tuần 27 (HK2). Học sinh kiểm tra theo thời khóa biểu của lớp. Các môn Toán, Văn, Tiếng Anh được tổ chức kiểm tra tập trung theo lịch của nhà trường.

+ **$ĐĐG_{ck}$:** Học sinh kiểm tra tập trung theo quy định của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1.

**2.** Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**3.** Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản

1 Điều này nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu, với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

**4.** Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

**5.** Tổ/ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phải phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Về các loại bài kiểm tra trong năm học của các môn học (kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra đánh giá định kỳ): Cần có kế hoạch thực hiện vừa đủ số bài kiểm tra theo quy định của từng môn. Không kiểm tra liên tục, thường xuyên và không tăng số lượng bài kiểm tra quá mức quy định để tránh gây áp lực học tập căng thẳng lên học sinh. Nội dung và mức độ, độ dài của bài kiểm tra cần phù hợp với chương trình học và trình độ học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; có sự thống nhất nội dung, hình thức và thời gian kiểm tra giữa các thành viên trong tổ, nhóm.

**6. Quy định về bài kiểm tra định kì**

- Nhà trường, tổ /nhóm chuyên môn và giáo viên cần thực hiện 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học; xây dựng nội dung đề kiểm tra bao quát, thực tiễn tiếp cận đánh giá năng lực học sinh. tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

- Kết hợp một cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

**7. Quy trình soạn bài kiểm tra định kỳ**

- Lịch kiểm tra định kỳ phải được thể hiện trong kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn và giáo viên từ đầu năm học;

- Nội dung kiểm tra cần được thảo luận, thống nhất trong nhóm bộ môn trước ít nhất 2 tuần. Các tổ, nhóm bộ môn xây dựng 1 ma trận đề cho mỗi khối lớp; GVBM căn cứ trên ma trận đề để xây dựng đề kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Nội dung kiến thức, kĩ năng kiểm tra đánh giá của bài kiểm tra định kỳ phải nằm trong các mức độ của "Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông" của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện từ tuần đầu của học kỳ đến tuần thực hiện bài kiểm tra, đánh giá định kỳ của học kỳ đó.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ bằng hình thức dự án học tập hoặc bài thực hành được thực hiện trong kế hoạch kiểm tra đánh giá của giáo viên và được Hiệu trưởng phê duyệt, được quy định trong quy chế kiểm tra đánh giá của nhà trường.

- Giáo viên sử dụng kết quả đánh giá các dự án học tập hoặc bài thực hành quy đổi thành điểm kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo các quy định sau:

+ Các dự án học tập, bài thực hành được tổ chức thực hiện theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn học.

+ Các dự án học tập, bài thực hành phải có đầy đủ tiêu chí đánh giá: Quá trình tiếp nhận nhiệm vụ, quá trình thực hiện nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả đánh giá giữa học sinh với nhau, kết quả đánh giá của giáo viên với học sinh… Các tiêu chí đánh giá phải công bố cho học sinh trước khi thực hiện.

+ Điểm số của các dự án học tập, bài thực hành phải được quy đổi về thang điểm 10.

- Giáo viên biên soạn đề cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đảm bảo nội dung đề đúng theo nội dung đã thống nhất trong tổ/ nhóm bộ môn

+ Đảm bảo tính bảo mật của đề.

+ Đảm bảo tính khách quan, công bằng cho học sinh các lớp

+ Đề kiểm tra được trình bày rõ ràng, không sai lỗi chính tả, phù hợp với đặc trưng bộ môn; đối với đề đề nghị kiểm tra đánh giá cuối kì phải có phần phách, có phần đánh số thứ tự… Đảm bảo đúng thể thức văn bản theo đúng quy định về Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

+ Đề kiểm tra của các thành viên trong nhóm bộ môn phải được lưu vào sổ nhóm.

+ Người ra đề kiểm tra đánh giá phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các sai sót trong đề kiểm tra đánh giá (nếu có).

- Phó Hiệu trưởng có thể trao đổi với tổ trưởng hoặc nhóm trưởng (nếu cần) để chọn đề kiểm tra đánh giá định kì;

- Giáo viên không được dùng nội dung đề "đề nghị" để ôn tập cho học sinh trên lớp chính khóa, ngoại khóa, dạy thêm.

- Đề kiểm tra phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi; Đề kiểm tra phải có chữ

"HẾT" tại điểm kết thúc đề và phải ghi rõ có mấy trang (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên).

**Điều 9. Xử lý các sự cố bất thường**

**1. Trường hợp đề bị sai sót**

- Đối với đề kiểm tra thường xuyên: Nếu phát hiện đề bị sai sót, giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm tự kiểm tra điều chỉnh, bổ sung nội dung sai sót của đề.

- Đối với đề kiểm tra định kỳ các môn trường ra đề: Nếu phát hiện đề bị sai sót, Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng kiểm tra điều chỉnh, bổ sung nội dung sai sót của đề.

- Đối với đề kiểm tra định kỳ do Phòng Giáo dục ra đề: Nếu phát hiện đề bị sai sót, Hiệu trưởng báo cáo Lãnh đạo Phòng Giáo dục và xin ý kiến chỉ đạo về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung sai sót của đề.

**2. Trường hợp đề bị lộ**

- Đối với đề kiểm tra định kỳ các môn trường ra đề: Nếu phát hiện đề bị lộ, Hiệu trưởng phối hợp với Phó Hiệu trưởng và các nhóm trưởng chuyên môn sử dụng đề dự phòng cho học sinh kiểm tra.

- Đối với đề kiểm tra định kỳ do Phòng Giáo dục ra đề (nếu có): Nếu phát hiện đề bị lộ, Hiệu trưởng báo cáo Lãnh đạo Phòng Giáo dục và xin ý kiến chỉ đạo về xử lý đề bị lộ.

**Điều 10. Trách nhiệm của giám thị coi kiểm tra và các thành viên trong hội đồng kiểm tra**

**1. Chủ tịch hội đồng** - Hiệu trưởng: Thực hiện ban hành quyết định thành lập hội đồng coi kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

**2. Phó chủ tịch hội đồng** - Phó Hiệu trưởng: Phân công giám thị thực hiện coi kiểm tra, điều hành quá trình coi kiểm tra.

**3. Thư ký hội đồng:** Thực hiện hồ sơ, biểu mẫu của quá trình kiểm tra.

**4. Giám thị coi kiểm tra:** Thực hiện đúng quy định, quy chế coi kiểm tra.

**Điều 11. Quy trình làm việc trong buổi kiểm tra**

**1. Đối với kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ các môn trường ra đề**

- Giáo viên bộ môn thực hiện coi kiểm tra, chấm kiểm tra học sinh các lớp mình phụ trách theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, minh bạch cho học sinh. Giáo viên có thể ghi đề lên bảng cho học sinh làm bài hoặc in đề sẵn phát cho học sinh làm bài.

- Giáo viên thực hiện coi kiểm tra nghiêm túc trong suốt thời gian học sinh

làm bài kiểm tra, xử lý những học sinh vi phạm quy chế kiểm tra.

- Thu bài kiểm tra, đảm bảo không để thất lạc, mất bài kiểm tra của học sinh.

**2. Đối với kiểm tra định kỳ tập trung**

- Phó Hiệu trưởng thực hiện hiện việc sinh hoạt quy chế coi kiểm tra cho giám thị 1, 2. Đọc phân công giám thị 2 nhận các ấn phẩm về phòng coi kiểm tra.

- Phó hiệu trưởng cùng giám thị 1 kiểm tra túi đề, tiến hành cắt túi đề, đếm đề, giao đề về cho giám thị từng phòng.

- Giám thị 2 đánh số báo danh, sắp xếp chỗ ngồi cho học sinh, phát giấy làm bài, phổ biến, nhắc nhở nội quy cho học sinh.

- Giám thị 1 mang đề kiểm tra đến phòng và giao đề cho học sinh khi có hiệu lệnh phát đề.

- Giám thị 1 và 2 cùng giám sát quá trình kiểm tra của học sinh. Thực hiện công tác thu bài khi có hiệu lệnh thu bài.

- Giám thị 1 và 2 cùng phối hợp nhau thu bài, giao bài và ký tất cả hồ sơ của hội đồng kiểm tra.

- Giám thị văn phòng đếm bài của phòng thi do giám thị giao, kiểm tra đủ số lượng bài, số tờ giấy nộp bài của học sinh, đóng mã phách và chuyển cho hội đồng chấm kiểm tra.

**Điều 12. Quy định về trách nhiệm của giám khảo**

**1. Đối với bài kiểm tra thường xuyên:** Giáo viên bộ môn dạy lớp nào thực hiện chấm bài lớp đó và chịu trách nhiệm về bài chấm cho học sinh.

**2. Đối với bài kiểm tra định kỳ:** Giáo viên bộ môn thực hiện chấm bài theo sự phân công của Phó Hiệu trưởng. Giáo viên nhận bài chấm, thực hiện chấm bài, trả bài đúng quy trình, đúng tiến độ quy định của nhà trường.

Trước khi nhận bài chấm, giám khảo họp nhóm tiến hành thống nhất đáp án chi tiết, chấm thử 10 bài và ghi vào biên bản. Bài được phân công chấm chéo theo đơn vị phòng thi. Thời gian chấm được quy định cụ thể trong kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ.

Bài kiểm tra chấm theo thang điểm 10, làm tròn lấy một chữ số phần thập phân, điểm thành phần tối thiểu là 0,25 điểm.

Giám khảo dùng bút màu đỏ để chấm bài. Giám khảo chấm bài đúng đáp án, biểu điểm, gạch chéo (khóa bài) tất cả những phần giấy trắng còn thừa do học sinh không viết hết, ghi điểm toàn bài vào ô quy định của tờ bài làm, ghi điểm thành phần vào phần lề tờ giấy, ngay cạnh ý được chấm. Nếu có sự thay đổi điểm thì gạch chéo điểm đã cho và ghi điểm mới bằng cả số và chữ rồi giám khảo chấm kí xác nhận

việc sửa điểm. Các môn: Văn, Toán, Ngoại ngữ tổ chức chấm 2 vòng độc lập.

Giám khảo chấm điểm khách quan, công bằng, chú ý đến việc động viên sự cố gắng của học sinh. Khi học sinh có thắc mắc về điểm số phải giải thích rõ ràng, giám khảo phải ghi nhận xét vào bài làm để nhắc nhở, động viên học sinh.

Giáo viên chủ động nhập điểm trên hệ thống https://truong.hcm.edu.vn khi có thông báo của bộ phận chuyên môn. Riêng bài kiểm tra định kỳ, sau khi chấm bài xong, giám khảo nộp bài về văn phòng để bộ phận nhập điểm vào điểm. Trường hợp có sai sót về nhập điểm sau khi hệ thống đã khóa nhập điểm, giáo viên thực hiện giấy đề nghị sửa điểm kèm bài của học sinh gửi về Phó Hiệu trưởng để ghi nhận, xem xét và điều chỉnh theo quy định.

**Điều 13. Quy định về phúc khảo bài kiểm tra**

**1. Đối với bài kiểm tra thường xuyên:** Giáo viên bộ môn chấm bài, sửa bài, trả bài cho học sinh, giải đáp những thắc mắc của học sinh nếu có.

**2. Đối với bài kiểm tra định kỳ:** Thực hiện chấm phúc khảo lại bài kiểm tra của học sinh khi học sinh có yêu cầu. Bài kiểm tra được chấm phúc khảo phải đảm bảo sự công khai, minh bạch, do giám khảo thực hiện và tổ, nhóm trưởng chuyên môn thẩm định.

**Điều 14. Kết quả môn học của mỗi học kỳ, cả năm học**

**1. Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm**

a) Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là $ĐTB_{mhk}$) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với các hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này như sau:

$$ĐTBmhk = \frac{TĐĐG_{tx} + 2 \times ĐĐG_{gk} + 3 \times ĐĐG_{ck}}{Số\ ĐĐG_{tx} + 5}$$

*$TĐĐG_{tx}$: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.".*

b) Điểm trung bình môn cả năm ($ĐTB_{mcn}$) là trung bình cộng của $ĐTB_{mhkI}$ với $ĐTB_{mhkII}$, trong đó $ĐTB_{mhkII}$ tính hệ số 2:

$$ĐTB_{mcn} = \frac{ĐTBmhkI + 2 \times ĐTBmhkII}{3}$$

c) $ĐTB_{mhk}$ và $ĐTB_{mcn}$ là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét**

a) Xếp loại học kỳ:

- Đạt yêu cầu (Đ): Có đủ số điểm kiểm tra theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 8 và 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra học kỳ.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) Xếp loại cả năm:

- Đạt yêu cầu (Đ): Cả hai học kỳ xếp loại Đ hoặc học kỳ I xếp loại CĐ, học kỳ II xếp loại Đ.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Cả hai học kỳ xếp loại CĐ hoặc học kỳ I xếp loại Đ, học kỳ II xếp loại CĐ.

Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.

Đối với các môn chỉ dạy trong một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

**Điều 15. Điểm trung bình các môn học kỳ, cả năm học**

**1.** Điểm trung bình các môn học kỳ ($ĐTB_{hk}$) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ của các môn học đánh giá bằng điểm số.

**2.** Điểm trung bình các môn cả năm học ($ĐTB_{cn}$) là trung bình cộng của điểm trung bình cả năm của các môn học đánh giá bằng cho điểm.

**3.** Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**Điều 16. Các trường hợp được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật**

**1.** Học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật trong chương trình giáo dục nếu gặp khó khăn trong học tập môn học nào đó do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị.

**2.** Hồ sơ xin miễn học gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.

**3.** Việc cho phép miễn học đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học.

**4.** Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật trong một học kỳ hoặc cả năm học. Nếu được miễn học cả năm học thì môn học này không tham gia đánh giá, xếp loại học lực của học kỳ và cả năm học; nếu chỉ được miễn học một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đã học để đánh giá, xếp loại cả năm học.

**Điều 17. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm học**

**1. Loại giỏi**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ từ 8,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5;

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

**2. Loại khá**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ từ 6,5 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 6,5 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0;

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

**3. Loại trung bình**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh từ 5,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5;

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

**4. Loại yếu:** Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

**5. Loại kém:** Các trường hợp còn lại.

**6.** Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:

- Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức loại G nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.

- Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức loại G nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

- Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức loại K nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

- Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức loại K nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

**Điều 18. Đánh giá học sinh khuyết tật**

**1.** Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo

nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

*2.* Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

**3.** Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.

## Chương IV
## SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI ĐỐI VỚI HỌC SINH KHỐI 9

### Điều 19. Lên lớp hoặc không được lên lớp

**1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp:**

a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên;

b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).

**2. Học sinh thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì không được lên lớp:**

a) Nghỉ quá 45 buổi học trong năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);

b) Học lực cả năm loại Kém hoặc học lực và hạnh kiểm cả năm loại yếu;

c) Sau khi đã được kiểm tra lại một số môn học, môn đánh giá bằng điểm có điểm trung bình dưới 5,0 hay môn đánh giá bằng nhận xét bị xếp loại CĐ, để xếp loại lại học lực cả năm nhưng vẫn không đạt loại trung bình.

d) Hạnh kiểm cả năm xếp loại yếu, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè nên vẫn bị xếp loại yếu về hạnh kiểm.

**3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật**

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh

khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp.".

**Điều 20. Kiểm tra lại các môn học**

Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại yếu, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại CĐ để kiểm tra lại. Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

**Điều 21. Rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè**

Học sinh xếp loại học lực cả năm từ trung bình trở lên nhưng hạnh kiểm cả năm học xếp loại yếu thì phải rèn luyện thêm hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kỳ nghỉ hè, nếu được Ủy ban nhân dân cấp phường/xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho xếp loại lại về hạnh kiểm; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

**Điều 22. Xét công nhận danh hiệu học sinh**

**1.** Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi.

**2.** Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.

**3.** Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng tặng giấy khen.

## Chương V
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH KHỐI 6, 7, 8

**Điều 23. Hình thức đánh giá**

**1. Đánh giá bằng nhận xét**

a) Giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Học sinh dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

c) Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh.

d) Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

**2. Đánh giá bằng điểm số**

a) Giáo viên dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

**3. Hình thức đánh giá đối với các môn học**

a) Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

b) Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**Điều 24. Đánh giá thường xuyên**

**1.** Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

**2.** Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy chế này, như sau:

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là $ĐĐG_{tx}$) trong mỗi học kì như sau:

- Môn học có 35 tiết/năm học: 02 $ĐĐG_{tx}$.

- Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 $ĐĐG_{tx}$.

- Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 $ĐĐG_{tx}$.

**3.** Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy chế này.

**Điều 25. Đánh giá định kì**

**1.** Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ **$ĐĐG_{gk}$:** Thực hiện trong khoảng từ tuần 09 đến tuần 11 (HK1) và thực hiện trong khoảng từ tuần 26 đến tuần 28 (HK2). Học sinh kiểm tra tại lớp theo thời khóa biểu. Các môn Toán, Văn, Anh sẽ kiểm tra tập trung theo lịch chung.

+ **$ĐĐG_{ck}$:** Học sinh kiểm tra tập trung theo quy định của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1.

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

**2.** Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá giữa kì và 01 (một) lần đánh giá cuối kì.

**3.** Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là $ĐĐG_{gk}$) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là $ĐĐG_{ck}$).

**4.** Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.

**5.** Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

**6.** Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**7.** Tổ/ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phải phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Về các loại bài kiểm tra trong năm học của các môn học (kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra đánh giá định kỳ): Cần có kế hoạch thực hiện vừa đủ số bài kiểm tra theo quy định của từng môn. Không kiểm tra liên tục, thường xuyên và không tăng số lượng bài kiểm tra quá mức quy định để tránh gây áp lực học tập căng thẳng lên học sinh. Nội dung và mức độ, độ dài của bài kiểm tra cần phù hợp với chương trình học và trình độ học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; có sự thống nhất nội dung, hình thức và thời gian kiểm tra giữa các thành viên trong tổ, nhóm.

**8.** Qui định về bài kiểm tra định kì: Thực hiện theo quy định ở Khoản 6, Điều 8 của Quy chế này.

**9.** Kết hợp một cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

**10.** Quy trình soạn bài kiểm tra định kỳ: Thực hiện theo quy định ở Khoản 8, Điều 8 của Quy chế này.

**11.** Coi kiểm tra định kì: Thực hiện theo quy định ở Điều11 của Quy chế này.

**12.** Chấm, trả bài kiểm tra định kì: Thực hiện theo quy định ở Điều 12 của Quy chế này.

**13.** Phúc khảo bài kiểm tra định kì: Thực hiện theo quy định ở Điều 13 của Quy chế này.

**14.** Quản lý điểm bài kiểm tra, đánh giá định kì: Thực hiện theo quy định ở Khoản 12, Điều 8 của Quy chế này.

**Điều 26. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh**

**1. Căn cứ và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh**

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học quy định trong Chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù quy định trong Chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Giáo viên môn học căn cứ quy định tại điểm a khoản này nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập môn học.

c) Giáo viên chủ nhiệm căn cứ quy định tại điểm a khoản này theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo nhận xét, đánh giá của giáo viên môn học, thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh; hướng dẫn học sinh tự nhận xét; trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

**2. Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học**

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.

- Mức Khá: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.

- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- Mức Tốt: học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.

- Mức Khá: học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.

- Mức Đạt: học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

**Điều 27. Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

**1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học**

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét:

- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là $ĐTB_{mhk}$) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$ĐTB_{mhk} = \frac{TĐĐG_{tx} + 2 \times ĐĐG_{gk} + 3 \times ĐĐG_{ck}}{Số\ ĐĐG_{tx} + 5}$$

$TĐĐG_{tx}$: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là $ĐTB_{mcn}$) được tính như sau:

$$ĐTB_{mcn} = \frac{ĐTB_{mhkI} + 2 \times ĐTB_{mhkII}}{3}$$

$ĐTB_{mhkI}$: Điểm trung bình môn học kì I.

$ĐTB_{mhkII}$: Điểm trung bình môn học kì II.

**2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học**

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, $ĐTB_{mhk}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, $ĐTB_{mcn}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.
- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

**3. Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập**

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

**Điều 28. Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất**

**1.** Học sinh gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

**2.** Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy

chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.

**3.** Việc cho phép miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo từng học kì hoặc từng năm học.

**4.** Đối với học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định tại Điều này được kiểm tra, đánh giá thay thế bằng nội dung lý thuyết để có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định.

**Điều 29. Đánh giá học sinh khuyết tật**

**1.** Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

**2.** Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng được theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả rèn luyện và học tập. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân; không kiểm tra, đánh giá những nội dung môn học hoặc môn học được miễn.

**3.** Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu của chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng được yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân.

**Điều 30. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học trực tuyến**

**1.** Kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập trực tuyến của học sinh được thực hiện trong quá trình dạy học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong dạy học trực tuyến được thực hiện theo quy định về kiểm tra, đánh giá thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp học sinh không thể đến cơ sở giáo dục tại thời điểm kiểm tra, đánh giá định kỳ vì lý do chính đáng thì việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, kiểm tra lại được thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

**2. Đánh giá quá trình học tập của học sinh**

Trong quá trình dạy học trực tuyến, giáo viên phụ trách môn học trực tiếp kiểm

tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học sinh học tập trực tuyến; qua các bài kiểm tra trên hệ thống phần mềm, các bản báo cáo quá trình học tập của học sinh; các bài thu hoạch sau các khóa học... gọi chung là kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học sinh.

**3.** Cấu trúc đề kiểm tra trực tuyến gồm trắc nghiệm khách quan và tự luận. Tỷ lệ giữa trắc nghiệm và tự luận thống nhất trong từng bộ môn. Phần trắc nghiệm khách quan học sinh thực hiện trên internet theo file hoặc đường link giáo viên gửi; phần tự luận học sinh làm trên giấy làm bài rồi gửi file bài làm cho giáo viên sau 5 phút hết thời gian làm bài.

## Chương VI
## SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HỌC SINH KHỐI 6, 7, 8

### Điều 31. Được lên lớp, đánh giá lại trong kì nghỉ hè, không được lên lớp

**1.** Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp hoặc được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông:

a) Kết quả rèn luyện cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này) được đánh giá mức Đạt trở lên.

b) Kết quả học tập cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này) được đánh giá mức Đạt trở lên.

c) Nghỉ học không quá 45 buổi trong một năm học (tính theo kế hoạch giáo dục 01 buổi/ngày được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm nghỉ học có phép và không phép, nghỉ học liên tục hoặc không liên tục).

**2.** Trường hợp học sinh phải rèn luyện trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này; học sinh phải kiểm tra, đánh giá lại môn học trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này.

**3.** Học sinh không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì không được lên lớp hoặc không được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông.

**4.** Đối với học sinh khuyết tật: Hiệu trưởng căn cứ kết quả đánh giá học sinh khuyết tật theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông đối với học sinh khuyết tật.

### Điều 32. Rèn luyện trong kì nghỉ hè

**1.** Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè.

**2.** Hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè do Hiệu trưởng quy định.

**3.** Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, giáo viên chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ kí xác nhận của cha mẹ học sinh) thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh. Kết quả đánh giá lại được sử dụng thay thế cho kết quả rèn luyện cả năm học để xét lên lớp theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

**Điều 33. Kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè**

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có $ĐTB_{mcn}$ dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số). Kết quả đánh giá lại của môn học nào được sử dụng thay thế cho kết quả học tập cả năm học của môn học đó để xét lên lớp theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

**Điều 34. Khen thưởng**

**1.** Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh

a) Khen thưởng cuối năm học

Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Xuất sắc" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt và có ít nhất 06 (sáu) môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số có $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 9,0 điểm trở lên.

Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Giỏi" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.

b) Khen thưởng học sinh có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập trong năm học.

**2.** Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

## Chương VII

## TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

### Điều 35. Trách nhiệm của Tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn

**1.** Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Tổ trưởng/ nhóm trưởng thống nhất với các thành viên trong tổ xây dựng lịch kiểm tra, đánh giá học sinh theo qui định. Lịch kiểm tra đánh giá học sinh phải được thể hiện trong kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn từ đầu năm học.

Thực hiện báo cáo thống kê kết quả kiểm tra của các khối/ lớp sau mỗi đợt kiểm tra đánh giá định kỳ.

**2.** Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Đối với hình thức kiểm tra, đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh thì phải thực hiện ngay sau đó.

**3.** Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, học bạ.

**4.** Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh.

### Điều 36. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

**1.** Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp; rà soát và cập nhật thông tin của học sinh kịp thời; giúp Hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra cho điểm, mức nhận xét theo quy định của Quy chế này.

**2.** Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.

**3.** Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh khối 9, kết quả rèn luyện và kết quả học tập của học sinh khối 6-7-8 từng học kỳ, cả năm học. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh có thành tích đột xuất; học sinh có thành tích đặc biệt; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn

luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè.

**4.** Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì các môn học theo quy định tại Quy chế này; kiểm tra, đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 16 và Điều 28 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè.".

**5.** Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:

- Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;

- Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè;

- Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh trong đó có học sinh có năng khiếu các môn học đánh giá bằng nhận xét.

**6.** Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

**Điều 37. Trách nhiệm của Cán bộ quản lý**

**1.** Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến gia đình học sinh các quy định của Quy chế này; vận dụng quy định của Quy chế này để đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật.

**2.** Kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm tra, cho điểm và đánh giá nhận xét của giáo viên. Hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp.

**3.** Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại, ghi kết quả vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm; phê chuẩn việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm.

**4.** Tổ chức kiểm tra lại các môn học theo quy định tại Điều 16 và Điều 28 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện trong kỳ nghỉ hè.

**5.** Kiểm tra, yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện Quy chế này phải khắc phục ngay sai sót trong những việc sau đây:

a) Thực hiện chế độ kiểm tra cho điểm và mức nhận xét; ghi điểm và các mức nhận xét vào sổ gọi tên và ghi điểm, học bạ; xếp loại hạnh kiểm, học lực, kết quả rèn luyện và học tập của học sinh;

b) Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực, kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

**6.** Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, kiểm tra lại các môn học, rèn luyện trong kỳ nghỉ hè. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh trong sổ gọi tên và ghi điểm và học bạ sau khi tất cả giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm đã ghi nội dung.

**7.** Quyết định xử lý theo thẩm quyền, đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

**8.** Xây dựng lại Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh khi có các Văn bản hướng dẫn mới từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

**Điều 38. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này được thông qua và áp dụng từ năm học 2023 – 2024.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc sẽ được bàn bạc, thảo luận để bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp và đúng quy định./.

***Nơi nhận:***
- Phòng Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo)
- Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Thân Thị Tuyết Nhung**